

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123 /2024/DS-PT
Ngày: 22-5-2024.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.
Ông Hồ Văn Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLPT-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị L (Châu Thị L1), sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ hiện nay: Số D, đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Quách Thụy Ngọc H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H: Ông Trần Minh Q (Trần Minh Q1), sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số H, đường Q (Nay là đường V), Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Phan K trình bày ý kiến:

Nguyên đơn bà Châu Thị L làm chủ hội, còn bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H là hội viên. Vào năm 2022, bà L có mở nhiều dây hội 10.000.000 đồng/phần và 5.000.000 đồng/phần, 15 ngày hoặc 30 ngày mở hội 01 lần, trong các dây hội này thì bà Quách Thụy Ngọc H có tham gia chơi 04 dây hội 10.000.000 đồng và 03 dây hội 5.000.000 đồng, các phần hội bà H tham gia đều đã lãnh hội và ký biên nhận nhận tiền lãnh hội giao cho bà L giữ và sau đó có góp lại tiền hội chết nhưng còn nợ lại bà Châu Thị L, cụ thể như sau:

- Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2022, dây hội này có 24 phần, 30 ngày mở hội/lần, bà Quách Thụy Ngọc H tham gia 01 phần và đã lãnh hội. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp được 18 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 06 kỳ phải góp, tương ứng số tiền 60.000.000 đồng. Vì vậy, dây hội này bà H còn nợ lại bà L là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2022, dây hội này có 20 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà Quách Thụy Ngọc H tham gia 02 phần và đều đã lãnh 02 phần hội. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp 02 phần hội này được 07 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 13 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hội là 13 kỳ x 02 phần x 10.000.000 đồng là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

- Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 02/8/2022, dây hội này có 25 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 01 phần và đã lãnh hội. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp được 14 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 11 kỳ phải góp, tương ứng số tiền là 110.000.000 đồng. Vì vậy, dây hội này bà H còn nợ lại bà L là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2022, dây hội này có 18 phần, 30 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 01 phần và đã lãnh hội. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp được 09 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 09 kỳ phải góp, tương ứng số tiền là 90.000.000 đồng. Vì vậy, dây hội này bà H còn nợ lại bà L là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu).

- Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2022, dây hội này có 27 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 02 phần. Dây hội này bà H đã lãnh 02 phần hội và góp được 25 kỳ hội, còn nợ lại tiền hội chết 02 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hội là 02 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng là 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng).

- Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 23/9/2022, dây hội này có 24 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 02 phần. Dây hội này bà H đã lãnh 02 phần hội và góp được 11 kỳ hội, còn nợ lại tiền hội chết 13 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hội là 13 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng là 130.000.000 đồng (một trăm ba chục triệu đồng).

- Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 06/4/2022, dây hụi này có 27 phần, 15 ngày mở hụi/lần, bà H tham gia 03 phần. Dây hụi này bà H đã lãnh 03 phần hụi và góp được 22 kỳ hụi, còn nợ lại tiền hụi chết 05 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hụi là 05 kỳ x 03 phần x 5.000.000 đồng là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ hụi chết bà Quách Thụy Ngọc H còn nợ lại bà Châu Thị L 07 dây nêu trên tổng cộng là 745.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Quách Thụy Ngọc H còn nợ lại bà Châu Thị L số tiền hụi chết các dây hụi cũ trước năm 2022 là 18.000.000 đồng. Nay bà Châu Thị L khởi kiện yêu cầu bà Quách Thụy Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ góp hụi còn lại cho bà Châu Thị L là 763.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Minh Q trình bày ý kiến:

Ông Q thống nhất với ý kiến trình bày của bà Châu Thị L về việc chơi hụi nêu trên của bà Quách Thụy Ngọc H và số tiền chơi hụi còn nợ lại bà Châu Thị L của 07 dây hụi và số tiền hụi chết các dây hụi cũ trước năm 2022 là 18.000.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ hụi là 763.000.000 đồng. Vào năm 2022 bà Châu Thị L có mở nhiều dây hụi 10.000.000 đồng/phần và 5.000.000 đồng/phần, hụi 15 ngày hoặc 30 ngày mở hụi 01 lần, bà H có tham gia chơi 04 dây hụi 10.000.000 đồng và 03 dây hụi 5.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày nêu trên. Tuy nhiên, việc bà H không góp hụi là do bà L làm chủ hụi nhưng bị bế hụi và phải đình hụi, nên bà H mới không góp hụi tiếp cho bà L từ tháng 02/2022 cho đến khi bà L khởi kiện ra Tòa án. Do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà H rất khó khăn, không có khả năng trả lại tiền hụi cho bà L như số tiền yêu cầu nêu trên và gia đình bà H cũng không có tài sản gì để trả nợ, nên đề nghị Tòa án xem xét cho bà H trả cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong khoản nợ tiền hụi nêu trên. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về số tiền thực lãnh hụi của 07 dây hụi nêu trên của bà H, thực tế bà H lãnh hụi chỉ khoảng hơn 500.000.000 đồng nhưng nay bà L yêu cầu trả tiền góp hụi đến 745.000.000 đồng, như vậy tiền lãi hụi của 07 dây hụi nêu trên với số tiền hơn 200.000.000 đồng ai là người được hưởng, do bà L làm chủ hụi nhưng tự ý đình hụi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 11, Điều 16 và Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị L đối với bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H về việc tranh chấp tiền hội.

2. Buộc bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Châu Thị L tiền nợ hội là 763.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bà Châu Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H không thanh toán số tiền nêu trên cho bà L thì bà H còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Nguyên đơn bà Châu Thị L không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.260.000 đồng theo biên lai thu số 0009551 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2 Bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 34.520.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-12-2023 bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H làm đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Do nguyên đơn vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị L vắng mặt, nhận thấy bà L không có kháng cáo. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Châu Thị L.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện bà Châu Thị L cho rằng vào năm 2022 bà Châu Thị L là chủ hội, bà Quách Thụy Ngọc H là hội viên, bà H có tham gia 07 dây hội, nhưng sau khi hót hội xong thì bà H chưa đóng các phần hội đã hót và các dây hội này đến nay đã kết thúc, do vậy bà L yêu cầu bà H trả tổng số tiền chưa đóng là 763.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bị đơn đã hót xong các dây hội và các phần hội do bà L làm chủ hội, bị đơn chưa đóng hội chết đúng như khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận thấy:

1. Đối với dây hội 1: hội 10.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2022, dây hội này có 24 phần, 30 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng hội sống được 07 lần, hót lần thứ 8 được số tiền là 209.700.000 đồng, trừ hoa hồng 4.000.000 đồng, nên có làm biên nhận số tiền là 205.700.000 đồng. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp hội chết nhưng còn nợ lại tiền hội chết 06 kỳ, tương ứng số tiền 60.000.000 đồng. Vì vậy, dây hội này bà H còn nợ lại bà L số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Đối với dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2022, dây hội này có 20 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 02 phần. Ngày 01/12/2022 bà H hót lần thứ 2 được số tiền 148.600.000 đồng, trừ hoa hồng 4.000.000 đồng và bà H hót được 144.600.000 đồng. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp 02 phần hội này được 07 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 13 kỳ, tương ứng số tiền phải góp hội là 13 kỳ x 02 phần x 10.000.000 đồng là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Đối với dây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 02/8/2022, dây hội này có 25 phần, 15 ngày mở hội/lần, bà H tham gia 01 phần và đã lãnh hội vào ngày 02-8-2022 và có làm biên nhận số tiền 142.300.000 đồng. Sau khi lãnh hội thì bà H đã góp được 14 kỳ, còn nợ lại tiền hội chết 11 kỳ phải góp, tương ứng số tiền là 110.000.000 đồng. Vì vậy, dây hội này bà H còn nợ lại bà L là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

4. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2022, dây hụi này có 18 phần, 30 ngày mở hụi/lần, bà H tham gia 01 phần, đã hốt hụi và làm biên nhận vào ngày 12-7-2022 được số tiền 109.600.000 đồng. Sau khi lãnh hụi thì bà H đã góp được 09 kỳ, còn nợ lại tiền hụi chết 09 kỳ phải góp, tương ứng số tiền là 90.000.000 đồng. Vì vậy, dây hụi này bà H còn nợ lại bà L là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

5. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2022, dây hụi này có 27 phần, 15 ngày mở hụi/lần, bà H tham gia 02 phần. Dây hụi này bà H đã lãnh 02 phần hụi và góp được 25 kỳ hụi, còn nợ lại tiền hụi chết 02 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hụi là 02 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng là 20.000.000 đồng.

6. Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 23/9/2022, dây hụi này có 24 phần, 15 ngày mở hụi/lần, bà H tham gia 02 phần. Dây hụi này bà H đã lãnh 02 phần hụi và góp được 11 kỳ hụi, còn nợ lại tiền hụi chết 13 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hụi là 13 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng là 130.000.000 đồng.

7. Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 06/4/2022, dây hụi này có 27 phần, 15 ngày mở hụi/lần, bà H tham gia 03 phần. Dây hụi này bà H đã lãnh 03 phần hụi và góp được 22 kỳ hụi, còn nợ lại tiền hụi chết 05 kỳ phải góp, tương ứng số tiền phải góp hụi là 05 kỳ x 03 phần x 5.000.000 đồng là 75.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ các phần hụi chết thì bà Quách Thụy Ngọc H còn nợ lại bà Châu Thị L tổng cộng là 745.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Quách Thụy Ngọc H còn nợ lại bà Châu Thị L số tiền hụi chết các dây hụi cũ trước năm 2022 là 18.000.000 đồng. Nay bà Châu Thị L khởi kiện yêu cầu bà Quách Thụy Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ góp hụi còn lại cho bà Châu Thị L là 763.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị L, buộc bà Quách Thụy Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị L tiền nợ hụi là 763.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng) là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng việc bị đơn bà H không góp hụi là do lỗi của nguyên đơn bà Châu Thị L tự ý chấm dứt các dây hụi (đình hụi), nên bà H không tiếp tục góp hụi, dẫn đến khó khăn như hiện nay và tiền lãi hụi này ai là người được hưởng, bà L hay các hụi viên khác. Xét vấn đề này thì thấy, khi chủ hụi là bà Châu Thị L thông báo chấm dứt các dây hụi nêu trên thì các bên không có thỏa thuận khác, nên giữa chủ hụi và hụi viên phải thực hiện theo các thỏa thuận khi tổ chức chơi hụi ban đầu, được quy định tại khoản 2 Điều 11, Điều 16 và Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường. Cụ thể, khi hụi viên là bà Quách Thụy Ngọc H đã lãnh đủ tiền hụi của 07 dây hụi nêu trên thì phải có nghĩa vụ góp lại tiền hụi theo định kỳ như thỏa thuận ban đầu giữa chủ hụi và các hụi viên đối với 07 dây hụi đã tham gia nêu trên, còn tiền lãi hụi của bà H đóng cho bà L thì các

hội viên trong các dây hội được hưởng như thỏa thuận khi các bên xác lập giao dịch chơi hội và bà Châu Thị L là chủ hội, nên có nghĩa vụ giao trả tiền hội cho các hội viên theo đúng như thỏa thuận, còn trường hợp bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận khi tổ chức chơi hội thì các hội viên được quyền khởi kiện bà Châu Thị L theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 147/2023/DS-ST, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 11, Điều 16 và Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị L đối với bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H về việc tranh chấp tiền hội.

2. Buộc bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Châu Thị L tiền nợ hội tổng cộng là 763.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bà Châu Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H không thanh toán số tiền nêu trên cho bà L thì bà H còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Nguyên đơn bà Châu Thị L không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.260.000 đồng theo biên lai thu số 0009551 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2 Bị đơn bà Quách Thụy Ngọc H có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 34.520.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Quách Thụy Ngọc H phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001410 ngày 10-01-2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, như vậy về tiền án phí dân sự phúc thẩm thì bà Quách Thụy Ngọc H đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tp Sóc Trăng;
- Chi cục THADS tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tố Hương